



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG  
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐỒ**

Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,  
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 26



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ**

Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,  
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Hoàng Hữu Tâm	Ủy viên
Ông Phan Minh Tâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Khánh Trung	Ủy viên
Ông Hoàng Thanh Tùng	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phan Minh Tâm	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2019)
	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2019)
Ông Hoàng Hữu Tâm	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2019)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ**  
Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,  
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



  
\_\_\_\_\_  
**Phan Minh Tâm**  
**Giám đốc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 

Số: 0290/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2019, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Hasky với số tiền là 28,5 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang làm việc với Công ty Cổ phần Hasky để thu hồi khoản phải thu này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi và dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập đối với khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Hasky. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đang phản ánh số dư khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cho dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhiệt điện Sông Hậu 1 với số tiền lần lượt là 6.286.628.035 VND và 15.211.016.911 VND. Các dự án này đang trong quá trình thực hiện theo hợp đồng và dự toán cho các dự án này vẫn đang trong quá trình xem xét điều chỉnh nên Ban Giám đốc chưa đánh giá được có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho liên quan hay không. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng dự phòng giảm giá hàng tồn kho liên quan. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)**

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, số dư khoản mục tài sản dài hạn khác trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm giá trị khoản đầu tư góp vốn của Công ty vào dự án Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội ("Dự án Dolphin Plaza") với tổng giá trị vốn góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với cùng 1 số tiền là 37.100.539.734 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết nên Ban Giám đốc chưa đủ cơ sở để đánh giá xem có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza này hay không. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng dự phòng cho khoản đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục mà chúng tôi cho là cần thiết.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có nợ phải trả quá hạn thanh toán và lỗ lũy kế. Đồng thời, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bị âm. Các yếu tố nêu trên dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Vũ Đức Nguyên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ**

Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,  
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm,  
Hà Nội, Việt Nam

**MÃ SỐ B 01a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>212.962.923.456</b>	<b>212.826.559.673</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.035.477.573</b>	<b>5.321.856.791</b>
1. Tiền	111		1.898.477.573	4.184.856.791
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.137.000.000	1.137.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.280.780.000</b>	<b>7.280.780.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	7.280.780.000	7.280.780.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>86.016.477.968</b>	<b>82.593.290.665</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	44.028.737.625	43.481.170.595
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.122.449.506	2.134.518.804
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	48.709.420.206	45.821.730.635
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(8.844.129.369)	(8.844.129.369)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>84.465.402.607</b>	<b>84.474.629.654</b>
1. Hàng tồn kho	141		84.465.402.607	84.474.629.654
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.164.785.308</b>	<b>33.156.002.563</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.751.668	66.751.667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.864.638.140	6.835.855.396
3. Tài sản ngắn hạn khác	155	10	26.253.395.500	26.253.395.500
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>307.680.469.746</b>	<b>325.759.737.403</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.828.210.080</b>	<b>24.374.873.952</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.828.210.080	24.374.873.952
- Nguyên giá	222		34.272.326.591	34.272.326.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.444.116.511)	(9.897.452.639)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	228		140.846.000	140.846.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(140.846.000)	(140.846.000)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>7.194.323.639</b>	<b>12.441.189.855</b>
- Nguyên giá	231		8.411.862.096	14.509.362.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.217.538.457)	(2.068.172.241)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>171.740.514.344</b>	<b>171.586.901.684</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		171.740.514.344	171.586.901.684
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>16.829.764.964</b>	<b>29.186.233.671</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	45.428.000.000	49.328.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(28.598.235.036)	(20.141.766.329)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>88.087.656.719</b>	<b>88.170.538.241</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.913.334	116.794.856
2. Tài sản dài hạn khác	268	14	88.053.743.385	88.053.743.385
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>520.643.393.202</b>	<b>538.586.297.076</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>211.807.933.636</b>	<b>212.281.348.075</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>211.807.933.636</b>	<b>212.281.348.075</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	41.262.607.712	41.626.763.851
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.019.038.346	10.092.619.858
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	78.880.128	99.432.954
4. Phải trả người lao động	314		2.971.512.960	2.735.570.659
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.094.501.714	6.990.684.499
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	73.718.812.732	77.738.396.210
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	74.545.534.093	72.809.634.093
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		117.045.951	188.245.951
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>308.835.459.566</b>	<b>326.304.949.001</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>308.835.459.566</b>	<b>326.304.949.001</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.344.727.377	18.344.727.377
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	*	5.531.782.406	5.531.782.406
4. Lỗ lũy kế	421		(215.041.050.217)	(197.571.560.782)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(197.571.560.782)	(177.164.041.229)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(17.469.489.435)	(20.407.519.553)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>520.643.393.202</b>	<b>538.586.297.076</b>

*Trần Mai Linh*

Trần Mai Linh  
Người lập biểu

*Bùi Hồng Thái*

Bùi Hồng Thái  
Kế toán trưởng



*Phan Minh Tâm*

Phan Minh Tâm  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ**

Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,  
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm,  
Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 02a-DN**

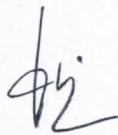
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

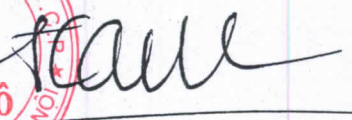
CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>18.467.660.127</b>	<b>48.552.076.084</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>18.467.660.127</b>	<b>48.552.076.084</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	23	17.686.673.500	48.955.482.969
<b>4. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>780.986.627</b>	<b>(403.406.885)</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.729.534	3.493.604
6. Chi phí tài chính	22	25	12.891.150.618	3.389.502.273
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	4.434.681.911	3.030.123.342
7. Chi phí bán hàng	25	26	39.000.000	520.915.277
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	5.351.272.373	5.107.036.126
<b>9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(17.498.706.830)</b>	<b>(9.417.366.957)</b>
10. Thu nhập khác	31		56.284.412	689.501.052
11. Chi phí khác	32		-	459.274.972
<b>12. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>56.284.412</b>	<b>230.226.080</b>
<b>13. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(17.442.422.418)</b>	<b>(9.187.140.877)</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
<b>15. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>(17.442.422.418)</b>	<b>(9.187.140.877)</b>
16. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(349)	(184)



**Trần Mai Linh**  
Người lập biểu



**Bùi Hồng Thái**  
Kế toán trưởng

**Phan Minh Tâm**  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(17.442.422.418)</b>	<b>(9.187.140.877)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	748.430.088	1.078.995.739
Các khoản dự phòng	03	8.456.468.707	469.931.986
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.729.534)	(203.493.604)
Chi phí lãi vay	06	4.434.681.911	3.030.123.342
<b>3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(3.804.571.246)</b>	<b>(4.811.583.414)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2.451.970.047)	7.702.864.067
Thay đổi hàng tồn kho	10	5.054.327.047	(8.886.586.601)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.368.998.671)	4.250.856.419
Thay đổi chi phí trả trước	12	102.881.521	226.031.920
Tiền lãi vay đã trả	14	(330.864.696)	(18.933.049.694)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(71.200.000)	(253.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.870.396.092)</b>	<b>(20.704.767.303)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(153.612.660)	(159.000.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	700.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.729.534	3.493.604
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(151.883.126)</b>	<b>544.493.604</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.039.500.000	66.960.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(303.600.000)	(47.450.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.735.900.000</b>	<b>19.510.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.286.379.218)</b>	<b>(650.273.699)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.321.856.791</b>	<b>2.571.949.074</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>3.035.477.573</b>	<b>1.921.675.375</b>

Trần Mai Linh  
Người lập biểu

Bùi Hồng Thái  
Kế toán trưởng

Phan Minh Tâm  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ**

Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,  
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm,  
Hà Nội, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017950 ngày 15 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCoM (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã giao dịch PFL từ ngày 25 tháng 5 năm 2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 50 (31 tháng 12 năm 2018: 57).

**Hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ cho các công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng cơ sở;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Tư vấn xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường (không bao gồm các dịch vụ thiết kế công trình);
- Tổng thầu EPC các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường;
- Ủy thác và nhận ủy thác đầu tư;
- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Mua bán, xuất nhập khẩu khoáng sản, vật tư, thiết bị, nguyên phụ liệu và các hoạt động khác phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản; và
- Kinh doanh điện năng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong mười hai tháng tới kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có nợ phải trả quá hạn thanh toán và lỗ lũy kế, đồng thời, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bị âm dẫn đến quan ngại về khả năng tạo tiền của Công ty để thanh toán cho các khoản công nợ đến hạn thanh toán. Khả năng thanh toán của Công ty trong vòng 12 tháng tới hoàn toàn phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, thu hồi được vốn góp đầu tư hoặc bán được các công trình/hạng mục công trình dở dang cũng như khả năng các tổ chức kinh tế, ngân hàng tiếp tục cung cấp các khoản tín dụng, và khả năng huy động vốn từ các nhà đầu tư. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày dưới đây:

- Trường hợp trong 12 tháng tới Công ty không huy động được nguồn vốn đầu tư/tài trợ từ các nguồn tài chính khác nhau để thực hiện đầu tư các dự án thì Công ty sẽ tạm thời giãn tiến độ triển khai đầu tư các dự án bất động sản hoặc tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng lại các dự án phù hợp.
- Các khoản nợ ngắn hạn (mã số 310 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ) tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm 48.352.511.161 VND là tiền cổ tức phải trả cho các cổ đông của Công ty. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng sẽ nhận được sự hỗ trợ của các cổ đông bằng việc không phải chi trả ngay khoản phải trả cổ tức nêu trên trong ngắn hạn. Trong trường hợp phải thanh toán khoản cổ tức này trong vòng 12 tháng tới, Công ty sẽ huy động tiền từ các nguồn tài chính khác nhau để thanh toán khoản cổ tức.
- Công ty đã đề ra chủ trương và thực hiện các biện pháp cắt giảm, tiết kiệm chi phí quản lý, hoạt động cũng như đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh xây lắp để tạo doanh thu và lợi nhuận cho Công ty trong 12 tháng tới.
- Đồng thời, Công ty cũng đang tìm các nguồn tài chính cần thiết để có thể tự trang trải được các khoản nợ khi đáo hạn.

### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động.

Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác và đầu tư khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Đầu tư khác phản ánh các khoản hợp tác đầu tư vào các dự án bất động sản theo hợp đồng hợp tác đầu tư. Công ty được phân chia sản phẩm hoặc lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp. Các khoản đầu tư này sẽ được trình bày trên khoản mục Tài sản ngắn hạn khác và Tài sản dài hạn khác trên báo cáo tài chính giữa niên độ, tùy thuộc vào kỳ hạn của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn để xem xét lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Tuy nhiên:

- Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản góp vốn vào các tổ chức kinh tế: Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của các tổ chức kinh tế mà Công ty góp vốn. Theo đó, các khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản góp vốn vào các tổ chức kinh tế mà Công ty không thể thu thập được thông tin tài chính cần thiết để đánh giá khả năng suy giảm giá trị được trình bày theo giá gốc. Trong trường hợp sau ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ, nếu có đầy đủ thông tin đáng tin cậy liên quan tới sự giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty sẽ đánh giá mức độ trọng yếu để có những xử lý kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Đối với các khoản đầu tư khác là các khoản góp vốn đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư: Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn không bị suy giảm do hầu hết các khoản đầu tư mới đang ở giai đoạn bắt đầu triển khai dự án, các dự án này là đầu tư dài hạn và có triển vọng tốt về trung, dài hạn, các khoản lỗ (nếu có) nằm trong kế hoạch và không đáng kể. Vì vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn này. Trong trường hợp sau ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ, nếu có đầy đủ thông tin đáng tin cậy liên quan tới sự giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty sẽ đánh giá mức độ trọng yếu để có những xử lý kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo tỷ lệ khấu hao hàng năm, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	42
Máy móc và thiết bị	3
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị quyền sử dụng diện tích văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.



### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có khoản lỗ mang sang (chưa được quyết toán thuế) có thể bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong thời hạn 5 năm kể từ năm phát sinh. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thu nhập trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	672.673.726	384.706.796
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.225.803.847	3.800.149.995
Các khoản tương đương tiền (*)	1.137.000.000	1.137.000.000
	<b>3.035.477.573</b>	<b>5.321.856.791</b>

(\*) Thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng thương mại, lãi suất 5,5%/năm được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

0.6  
CY  
UU HA  
TE  
AM  
2. HA

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>7.280.780.000</b>	-	<b>7.280.780.000</b>	-
- Tổng giá trị cổ phiếu (a)	7.280.780.000	-	7.280.780.000	-
<b>b. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>45.428.000.000</b>	<b>(23.503.631.377)</b>	<b>49.328.000.000</b>	<b>(20.141.766.329)</b>
- Đầu tư vào đơn vị khác	45.428.000.000	(23.503.631.377)	49.328.000.000	(20.141.766.329)
+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tây Hà Nội (b)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (c)	22.100.000.000	(4.453.480.831)	26.000.000.000	(3.555.362.060)
+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng (d)	328.000.000	-	328.000.000	-
+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (e)	20.000.000.000	(19.050.150.546)	20.000.000.000	(16.586.404.269)
<b>c. Tài sản dài hạn khác (xem Thuyết minh số 14)</b>	<b>88.053.743.385</b>	<b>(5.094.603.659)</b>	<b>88.053.743.385</b>	-
+ Góp vốn đầu tư vào Dự án Nam An Khánh	50.953.203.651	(5.094.603.659)	50.953.203.651	-
+ Góp vốn đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza	37.100.539.734	-	37.100.539.734	-

a) Khoản đầu tư mua cổ phiếu của các công ty.

b) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tây Hà Nội tương đương 300.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ.

c) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt) với tổng số tiền là 22.100.000.000 VND, tương đương 6% vốn điều lệ.

d) Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng ngày 10 tháng 5 năm 2016 về việc giảm vốn điều lệ công ty này. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng giảm vốn điều lệ công ty xuống còn 5 tỷ VND và trả lại vốn góp cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ vốn góp hiện hành. Vốn góp của Công ty hiện tại vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng tương đương 6,56% vốn điều lệ.

e) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh với tổng số tiền là 20.000.000.000 VND, tương đương 10,5% vốn điều lệ.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, ngoại trừ các khoản chứng khoán kinh doanh có giao dịch tích cực trên thị trường chứng khoán (bao gồm cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí - mã PTL), Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>41.726.065.667</b>	<b>39.566.761.714</b>
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (a), (b)	7.830.000.000	7.830.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tiến Lộc (a)	3.450.000.000	3.450.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm (a)	1.897.500.000	1.897.500.000
Công ty Cổ phần TID (c)	19.604.536.064	19.604.536.064
Các đối tượng khác	8.944.029.603	6.784.725.650
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>2.302.671.958</b>	<b>3.914.408.881</b>
(Chi tiết tại Thuyết minh số 29) (d)	2.302.671.958	3.914.408.881
	<b>44.028.737.625</b>	<b>43.481.170.595</b>

- (a) Phản ánh khoản phải thu liên quan đến giá trị thương quyền mà ba đơn vị này phải trả cho Công ty khi quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 của Dự án Tòa nhà Văn phòng tại số 160 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ("Dự án") được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hoặc khi Dự án được cấp phép đầu tư, theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 61/2009/BCC ngày 25 tháng 12 năm 2009. Ngày 25 tháng 11 năm 2016, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tiến Lộc đã thống nhất chuyển nhượng phần vốn góp và quyền vốn góp của Dự án cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long và các bên trong dự án chấp nhận giá trị thương quyền phải trả PVC Đông Đô trong dự án này theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Ngày 04 tháng 01 năm 2017, Công ty đã ký Hợp đồng số 01/HĐCN/DKĐD-PL với Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long về chuyển nhượng quyền góp vốn tại dự án Tòa nhà văn phòng 160 Trần Quang Khải, theo đó, Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long cam kết thanh toán 50% phần giá trị thương quyền còn lại của ba đơn vị cho Công ty sau khi Nhà in báo Nhân dân ký hợp đồng hợp tác trực tiếp với Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hoặc một pháp nhân do Phú Long chỉ định, 50% còn lại sau khi quy hoạch 1/500 của Dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- (b) Phản ánh khoản phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long liên quan đến Hợp đồng thi công xây lắp số 15/2015/HĐKT-PL ngày 31 tháng 3 năm 2015 tại dự án Dragon Parc Villa.
- (c) Phản ánh khoản phải thu về tiền hoa hồng môi giới liên quan hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản bán 35 căn hộ thuộc Dự án Dolphin Plaza với Công ty Cổ phần TID ("TID"). Tỷ lệ hoa hồng môi giới được hưởng là 10% trên giá trị hợp đồng mua bán căn hộ trước thuế, TID sẽ thanh toán trước theo tiến độ nộp tiền của khách hàng tương ứng với tỷ lệ 2%, phần còn lại sẽ được thanh toán khi Công ty bán hết các căn hộ theo hợp đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã bàn giao 20 căn hộ cho các khách hàng. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty sẽ bán hết các căn hộ theo hợp đồng và không có các thay đổi về mức hoa hồng được hưởng, theo đó, không ảnh hưởng đến khả năng thu hồi số tiền 19.604.536.064 VND phải thu khách hàng nêu trên và không phải lập dự phòng cho khoản phải thu này.
- (d) Công ty đã sử dụng Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số XD02C/2016/SH1-PVC-PVC.DONGDO ký ngày 10 tháng 10 năm 2016 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam làm tài sản đảm bảo cho các khoản bảo lãnh của Công ty được cấp bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Bắc Ninh.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Hasky (a)	28.500.000.000	28.500.000.000
Ứng vốn cho dự án liên doanh với Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia	5.050.000.000	5.050.000.000
Tạm ứng	14.406.853.179	11.381.746.969
Ký cược, ký quỹ	-	290.092.824
Phải thu khác	752.567.027	599.890.842
	<b>48.709.420.206</b>	<b>45.821.730.635</b>

- (a) Phản ánh khoản phải thu Công ty Cổ phần Hasky (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hòa Bình) theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/2017/BBTL ngày 25 tháng 8 năm 2017. Theo đó, Công ty đã rút vốn khỏi dự án Khu du lịch sinh thái và Dịch vụ Cửu Long và Công ty Cổ phần Hasky sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền mà Công ty đã góp vào dự án. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty còn phải thu Công ty Cổ phần Hasky số tiền liên quan đến việc rút vốn khỏi dự án này với số tiền 28,5 tỷ VND đã quá hạn thanh toán. Công ty đang làm việc với Công ty Cổ phần Hasky để thu hồi khoản phải thu này, theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng sẽ thu hồi được đầy đủ giá trị khoản phải thu này và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	8.844.129.369	(8.844.129.369)	8.844.129.369	(8.844.129.369)
<i>Công ty Cổ phần Dầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO</i>	1.458.245.941	(1.458.245.941)	1.458.245.941	(1.458.245.941)
<i>Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia</i>	5.050.000.000	(5.050.000.000)	5.050.000.000	(5.050.000.000)
<i>Khác</i>	2.335.883.428	(2.335.883.428)	2.335.883.428	(2.335.883.428)
	<b>8.844.129.369</b>	<b>(8.844.129.369)</b>	<b>8.844.129.369</b>	<b>(8.844.129.369)</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.052.872.421	-	1.333.899.810	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (a)	71.656.203.657	-	74.670.003.315	-
Hàng hóa bất động sản (b)	11.756.326.529	-	8.470.726.529	-
<i>Căn hộ Dragon Hill</i>	3.471.606.529	-	186.006.529	-
<i>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Nhuận Trạch, Lương Sơn, Hòa Bình (b), (c)</i>	8.284.720.000	-	8.284.720.000	-
	<b>84.465.402.607</b>	<b>-</b>	<b>84.474.629.654</b>	<b>-</b>

- (a) Số dư khoản mục chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm số dư của dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhiệt điện Sông Hậu 1 với số tiền lần lượt là 6.286.628.035 VND và 15.211.016.911 VND. Hiện tại, các công trình này vẫn đang trong quá trình thực hiện và dự toán cho các công trình này vẫn đang được điều chỉnh nên Ban Giám đốc chưa đánh giá được kết quả của các hợp đồng này để đánh giá xem có cần thiết phải dự phòng hay không.
- (b) Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập các thông tin liên quan đến hàng hóa bất động sản xem xét lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng giá trị hàng hóa bất động sản không bị suy giảm và theo đó không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- (c) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các lô đất này để đảm bảo cho khoản bảo lãnh của Công ty được cấp bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Bắc Ninh.

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu kỳ</b> <b>VND</b>
Góp vốn đầu tư vào Dự án Chung cư BMM (a)	23.253.395.500	23.253.395.500
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí (b)	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b>26.253.395.500</b>	<b>26.253.395.500</b>

- (a) Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào Dự án "Đầu tư xây dựng chung cư BMM tại phường Phúc La, quận Hà Đông" theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 20/2010/HĐGV-BMM ngày 24 tháng 3 năm 2010 và Hợp đồng góp vốn đầu tư số 21/2010/HĐGV-BMM ngày 25 tháng 3 năm 2010 giữa Công ty và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại BMM. Theo nội dung các Hợp đồng này, Công ty có quyền được mua sàn các căn hộ tại chung cư BMM. Theo Nghị quyết số 41/NQ-DKĐĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 30 tháng 10 năm 2012, Công ty sẽ tìm kiếm khách hàng để bán sản phẩm Dự án này để thu hồi vốn. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đã ký kết các hợp đồng để chuyển nhượng quyền mua căn hộ chung cư BMM cho khách hàng với giá bán không thấp hơn giá gốc và đang làm thủ tục thanh lý hợp đồng góp vốn với chủ đầu tư. Do vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm đầu tư ngắn hạn đối với khoản vốn góp vào dự án "Đầu tư xây dựng chung cư BMM tại phường Phúc La, quận Hà Đông" tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.
- (b) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí với tổng số tiền là 3.000.000.000 VND, tương đương 6% vốn điều lệ của công ty này. Theo Nghị quyết số 05/NQ-DKĐĐ-HĐQT ngày 20 tháng 3 năm 2013, Công ty sẽ tìm đối tác để chuyển nhượng số cổ phần trên để thu hồi vốn trong thời gian ngắn nhất. Ngoài ra, Ban Giám đốc đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng giá trị thu về từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư không thấp hơn giá gốc, do vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm đầu tư ngắn hạn đối với khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Mặc dù chưa chuyển nhượng được các khoản góp vốn nêu trên trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác phù hợp để chuyển nhượng các khoản góp vốn này. Theo đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị đầu tư tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019 của các khoản vốn góp này được trình bày ở khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là phù hợp.

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà xưởng và vật kiến trúc</b> <b>VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b> <b>VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b> <b>VND</b>	<b>Phương tiện vận tải</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	26.290.863.431	413.000.000	3.743.571.741	3.824.891.419	34.272.326.591
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>26.290.863.431</b>	<b>413.000.000</b>	<b>3.743.571.741</b>	<b>3.824.891.419</b>	<b>34.272.326.591</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	3.247.385.854	171.611.098	3.717.889.932	2.760.565.755	9.897.452.639
Khấu hao trong kỳ	329.743.611	68.833.328	8.560.606	139.526.327	546.663.872
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.577.129.465</b>	<b>240.444.426</b>	<b>3.726.450.538</b>	<b>2.900.092.082</b>	<b>10.444.116.511</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	<b>23.043.477.577</b>	<b>241.388.902</b>	<b>25.681.809</b>	<b>1.064.325.664</b>	<b>24.374.873.952</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>22.713.733.966</b>	<b>172.555.574</b>	<b>17.121.203</b>	<b>924.799.337</b>	<b>23.828.210.080</b>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 5.983.783.615 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.983.783.615 VND).

Công ty đã sử dụng nhà cửa và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 2.017.491.133 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.129.440.943 VND) để đảm bảo cho các khoản bảo lãnh của Công ty được cấp bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Bắc Ninh.

**12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Văn phòng cho thuê VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu kỳ	14.509.362.096
Chuyển sang hàng tồn kho	(6.097.500.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.411.862.096</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu kỳ	2.068.172.241
Trích khấu hao trong kỳ	201.766.216
Chuyển sang hàng tồn kho	(1.052.400.000)
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.217.538.457</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>12.441.189.855</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>7.194.323.639</b>

(\*) Bất động sản đầu tư là các căn hộ cho thuê được chuyển sang thành hàng hóa bất động sản khi Công ty bắt đầu thực hiện các hoạt động để bán các tài sản này.

Công ty đã sử dụng các căn hộ cho thuê với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 7.194.323.639 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 12.441.189.855 VND) để đảm bảo cho các khoản bảo lãnh của Công ty được cấp bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Bắc Ninh.

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Xuân Phương	171.740.514.344	171.740.514.344	171.586.901.684	171.586.901.684
	<b>171.740.514.344</b>	<b>171.740.514.344</b>	<b>171.586.901.684</b>	<b>171.586.901.684</b>

Các chi phí phát sinh liên quan đến dự án Xuân Phương được hạch toán vào khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là phù hợp với bản chất và kế hoạch của Công ty tính đến thời điểm thay đổi kế hoạch là nhằm mục đích hình thành tài sản cố định của Công ty thay vì mục đích để bán. Tại Nghị quyết số 30/NQ-DKĐĐ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án Xuân Phương. Ban Giám đốc Công ty đang trong quá trình lập kế hoạch triển khai thực hiện. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng sự kiện này không có ảnh hưởng trọng yếu cần thiết phải điều chỉnh đối với báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại lô đất CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán</b>				
Công ty Cổ phần TID	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458
Công ty Cổ phần Vật tư thép Hà Nội	4.455.131.995	4.455.131.995	4.455.131.995	4.455.131.995
Các đối tượng khác	26.405.596.006	26.405.596.006	28.518.384.414	28.518.384.414
<b>b. Phải trả người bán là bên liên quan (Xem Thuyết minh số 29)</b>	2.877.649.253	2.877.649.253	1.129.016.984	1.129.016.984
	<b>41.262.607.712</b>	<b>41.262.607.712</b>	<b>41.626.763.851</b>	<b>41.626.763.851</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	1.851.552.984	1.851.552.984	-
Thuế thu nhập cá nhân	99.432.954	29.228.923	49.781.749	78.880.128
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	<b>99.432.954</b>	<b>1.884.781.907</b>	<b>1.905.334.733</b>	<b>78.880.128</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	9.110.344.718	5.006.527.503
Khác (i)	1.984.156.996	1.984.156.996
	<b>11.094.501.714</b>	<b>6.990.684.499</b>

(i) Công ty ghi nhận chi phí phải trả của các công trình xây lắp tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 của các nhà thầu trên cơ sở hợp đồng hoặc dự toán thi công công trình. Số dư chi phí phải trả của các công trình xây lắp tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm 1.984.156.996 VND là chi phí phải trả nhà cung cấp đã trích lập từ cuối các năm trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.984.156.996 VND). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng chi phí phải trả nhà cung cấp đã trích lập này là đầy đủ và phù hợp với thực tế phát sinh.

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	48.352.511.161	52.252.511.161
Nhận ký quỹ, ký cược từ các đội xây lắp	240.000.000	540.000.000
Nhận đặt cọc tiền mua căn hộ	22.721.314.000	22.721.314.000
Các đối tượng khác	2.404.987.571	2.224.571.049
	<b>73.718.812.732</b>	<b>77.738.396.210</b>

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vay cá nhân (a)	6.505.900.000	4.770.000.000
Vay ngân hàng	68.039.634.093	68.039.634.093
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội (b)	3.439.634.093	3.439.634.093
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (c)	64.600.000.000	64.600.000.000
	<b>74.545.534.093</b>	<b>72.809.634.093</b>

- (a) Vay cá nhân thể hiện khoản vay ngắn hạn trong vòng 01 đến 12 tháng với các nhân viên của Công ty nhằm mục đích thanh toán công nợ cho nhà cung cấp tiền mua nguyên vật liệu. Lãi suất các khoản vay là 12.6%/năm, lãi trả hàng tháng, gốc trả một lần cuối thời hạn vay.
- (b) Thể hiện khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 34/2017/HĐTD/DONGDO/PVB.HN ngày 22 tháng 02 năm 2017, mục đích vay để thanh toán giá trị Hợp đồng kinh tế số 02-2016/PVSD-DD và phụ lục hợp đồng bổ sung lần 01 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà. Khoản vay có thời hạn 06 tháng từ ngày 24 tháng 02 năm 2017, lãi suất 9.5%/năm, lãi trả hàng tháng, lãi vay của kỳ thanh toán lãi cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ gốc cuối cùng, gốc vay được thanh toán vào ngày kết thúc thời hạn khoản vay hoặc ngay khi có nguồn thu về tài khoản, tùy điều kiện nào đến trước. Công ty đã sử dụng Quyền và lợi ích phát sinh từ phần vốn góp vào dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp – Khu đô thị Nam An Khánh – Hà Nội" thuộc lô HH3; Tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM 199242 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp và Quyền đòi nợ phát sinh từ phần việc "Gia công, lắp đặt kết cấu thép hạng mục nhà tách nước thạch cao/kho thạch cao" thuộc Hợp đồng số 32/2016/HĐKT/PVC/PVC-DONGDO ký ngày 17 tháng 6 năm 2016 làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.
- (c) Thể hiện khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 4314/18MB/HĐTD ngày 28 tháng 6 năm 2018, mục đích vay để bù đắp chi phí hoạt động kinh doanh. Khoản vay có thời hạn 12 tháng từ ngày 30 tháng 6 năm 2019, lãi suất 11.93%/năm, lãi và gốc vay được thanh toán vào ngày kết thúc thời hạn khoản vay. Công ty đã sử dụng Bất động sản tọa lạc tại Lô CT5E, khu đô thị mới Xuân Phương, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 888815 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 12 năm 2013; 2.348.200 cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng và đô thị dầu khí PVC làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ) lũy kế VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ trước	500.000.000.000	5.531.782.406	18.344.727.377	(177.160.441.229)	346.716.068.554
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(9.187.140.877)	(9.187.140.877)
Giảm khác	-	-	-	(3.600.000)	(3.600.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>5.531.782.406</b>	<b>18.344.727.377</b>	<b>(186.351.182.106)</b>	<b>337.525.327.677</b>
Số dư đầu kỳ này	500.000.000.000	5.531.782.406	18.344.727.377	(197.571.560.782)	326.304.949.001
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(17.442.422.418)	(17.442.422.418)
Giảm khác	-	-	-	(27.067.017)	(27.067.017)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>5.531.782.406</b>	<b>18.344.727.377</b>	<b>(215.041.050.217)</b>	<b>308.835.459.566</b>

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn điều lệ đã được các chủ sở hữu góp đủ như sau:



	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp			
	'000 VND	%	Số cuối kỳ '000 VND	Tỷ lệ %	Số đầu kỳ '000 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	180.129.750	36,03	174.334.750	34,87	174.334.750	34,87
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Kim	65.000.000	13,00	25.000.000	5,00	25.000.000	5,00
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	33.960.000	6,79	33.960.000	6,79	33.960.000	6,79
Bà Hà Thị Thông	10.000.000	2,00	10.000.000	2,00	10.000.000	2,00
Các cổ đông khác	210.910.250	42,18	256.705.250	51,34	256.705.250	51,34
	<b>500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>500.000.000</b>	<b>100</b>	<b>500.000.000</b>	<b>100</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là kinh doanh các hoạt động xây lắp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động xây lắp. Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	16.198.060.283	47.826.522.642
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	2.269.599.844	725.553.442
	<b>18.467.660.127</b>	<b>48.552.076.084</b>
Trong đó:		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)</i>	11.866.824.247	15.779.983.635

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	15.725.407.284	48.733.391.753
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.961.266.216	222.091.216
	<b>17.686.673.500</b>	<b>48.955.482.969</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.097.427.965	31.245.176.988
Chi phí nhân công	9.046.161.715	27.621.014.608
Chi phí khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư	748.430.088	1.078.995.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	983.617.058	3.107.369.480
Chi phí khác bằng tiền và chi phí khác	187.509.389	414.585.704
	<b>20.063.146.215</b>	<b>63.467.142.519</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ này</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	4.434.681.911	3.030.123.342
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	8.456.468.707	359.378.931
	<b>12.891.150.618</b>	<b>3.389.502.273</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ này</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	3.518.469.561	2.736.988.259
Chi phí đồ dùng quản lý	229.717.328	344.863.091
Chi phí khấu hao	477.830.544	788.071.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	937.745.551	818.527.878
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	187.509.389	418.585.704
	<b>5.351.272.373</b>	<b>5.107.036.126</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí môi giới	39.000.000	520.915.277
	<b>39.000.000</b>	<b>520.915.277</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ với lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế có thể mang sang tới đa trong vòng năm (05) năm kể từ năm phát sinh.

**28. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(17.442.422.418)	(9.187.140.877)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	50.000.000	50.000.000
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(349)</b>	<b>(184)</b>

2500  
 IG TY  
 IEM HUU  
 OITT  
 R NAM  
 1. TP.

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Kim	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty con của PVC
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hòa Bình	Công ty con của PVC
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty con của PVC
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trực thuộc của PVC
Ban điều hành các dự án của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại phía Nam	Đơn vị trực thuộc của PVC
Ban điều hành dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Đơn vị trực thuộc của PVC

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Bán hàng</b>		
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	952.591.822	-
Ban điều hành các dự án của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại phía Nam	514.540.933	5.808.223.997
Ban điều hành dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	10.399.691.492	9.971.759.638
	<b>11.866.824.247</b>	<b>15.779.983.635</b>
<b>Mua hàng</b>		
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.400.394.101	1.429.446.308
Ban điều hành các dự án của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại phía Nam	-	469.680.614
Ban điều hành dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	152.469.558	47.641.097
	<b>1.552.863.659</b>	<b>1.946.768.019</b>
<b>Vay</b>		
Lãi vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	372.719.482
	<b>-</b>	<b>372.719.482</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	606.185.448	513.172.305

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Kim	200.000.000	200.000.000
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.334.333.492	2.946.070.415
Ban điều hành các dự án của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại phía Nam	768.338.466	768.338.466
	<b>2.302.671.958</b>	<b>3.914.408.881</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Ban điều hành các dự án của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại phía Nam	-	5.803.094.133
Ban điều hành dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	4.237.278.588	4.134.365.602
	<b>4.237.278.588</b>	<b>9.937.459.735</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	341.888.027	341.888.027
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.540.433.511	-
Ban điều hành các dự án của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại phía Nam	2.630.100	-
Ban điều hành dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	992.697.615	787.128.957
	<b>2.877.649.253</b>	<b>1.129.016.984</b>
<b>Cổ tức phải trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.907.785.000	10.807.785.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Kim	4.402.511.161	4.402.511.161
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	3.735.600.000	3.735.600.000
	<b>15.045.896.161</b>	<b>18.945.896.161</b>
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		
Gốc vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	3.439.634.093	3.439.634.093

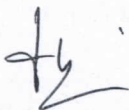
**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Cổ tức phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty") được bù trừ với khoản phải thu từ Tổng Công ty. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Thay đổi các khoản phải trả trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ.

**31. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

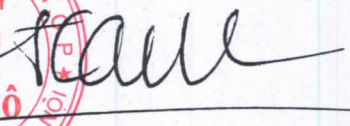


Trần Mai Linh  
Người lập biểu



Bùi Hồng Thái  
Kế toán trưởng





Phan Minh Tâm  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2019